

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 90/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông N V L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

*- Bị đơn:*

1. Bà N T K H, sinh năm 1971;
2. Ông P V T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Ông L có đơn xin vắng mặt; bà H, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông L trình bày:

Vào tháng 6 năm 2019, ông có cho vợ chồng ông T, bà H vay tiền, vàng để làm vốn mua bán, với số tiền là 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K, thời gian trả trong vòng một tháng. Để làm tin, vợ chồng ông T, bà H có làm hai bản cam kết tương ứng với số tiền và vàng trên. Tuy nhiên khi đến hạn, ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vàng cho ông. Khi ông yêu cầu trả thì ông T, bà H hứa trả nhưng vẫn không thực hiện.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả ngay cho ông số tiền 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K.

Ông T, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông T, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L, ông T và bà H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét ông L yêu cầu ông T, bà H trả số tiền 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K, thấy rằng:

Tại giấy cam kết không ghi ngày tháng, thể hiện vợ chồng ông T, bà H vay của ông L số tiền 26.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K, thỏa thuận trả vào ngày 17/9/2020 và ông T, bà H có ký tên. Tại giấy cam kết ngày 15/8/2020, thể hiện ông T vay của ông L số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong vòng một tháng và ông T có ký tên. Mặt khác, ông T, bà H không phản đối yêu cầu khởi kiện của ông L nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Điều đó chứng minh rằng, ông T, bà H có vay của ông L số tiền 36.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N V L.

[4] Về án phí: Ông T, bà H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Lấy giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.085.000 đồng/01 chỉ vàng 24K

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 288, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N V L.

2. Buộc ông P V T và bà N T K H có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho ông N V L số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và 01 (Một) chỉ vàng 24K.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Ông P V T và bà N T K H phải chịu 2.054.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông N V L 1.027.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0006496 ngày 16/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông L, ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**